TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 472/2023/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 13 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/HNGĐ về việc: "Ly hôn" ngày 10/02/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm: 1987;

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm: 1986;

Cùng địa chỉ: Đường A, Phường B, quận G , Thành phố Hồ Chí Minh.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 04 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh T và ông Nguyễn Hồng Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 27/2013 Quyển số 01/2013, ngày 19/03/2013 tại Ủy ban nhân dân xã C, Huyện D, tỉnh E hết hiệu lực.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống có hai con chung tên: Nguyễn Thanh L – sinh ngày: 15/11/2016 và Nguyễn Đoan Thanh H – sinh ngày: 02/02/2020.

Giao hai con chung Nguyễn Thanh L và Nguyễn Đoan Thanh H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ông Nguyễn Hồng Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai trẻ Nguyễn Thanh L – sinh ngày: 15/11/2016 và Nguyễn Đoan Thanh H – sinh ngày: 02/02/2020 số tiền là 5.000.000 (Năm triệu đồng) mỗi tháng/hai con. Bắt đầu thực hiện từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không có yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận. Không có yêu cầu tòa án giải quyết

2. Về án phí Tòa án: Án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành 150.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi ngàn đồng*); án phí cấp dưỡng nuôi con

hòa giải thành: 150.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Bùi Thị Thanh T tự nguyện chịu được cấn trừ theo Biên lai số: AA/2022/0012636 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G; Các đương sự đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND xã C,
Huyện D, tỉnh E;
- Chi cục THADS Q. G;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Huy Hoàng